

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002181

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D4-23**

C. Thư

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G
Tên Sinh Viên	Ngữ Văn Xúc	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120200295	NGUYỄN VĂN AN	19/05/2001	CCQ2020I		011	An	6,5	3	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	2120200209	DƯƠNG THỊ KIM	11/10/2002	CCQ2020G		012	Aph	5,8	4,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	2120200243	HÀ THỊ TRÂM	06/01/2002	CCQ2020H		013	Anh	6,8	3	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	2120200244	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	15/07/2002	CCQ2020H				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	2120110106	NGUYỄN TRỌNG BẰNG	14/01/2002	CCQ2020I				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	2120200142	ĐỖ QUỐC CƯỜNG	27/02/2001	CCQ2020E		012	Cu	6,5	5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	2120120317	LÊ ĐỨC CƯỜNG	13/01/2002	CCQ2020I		013	Cuong	5,8	1,75	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	2120200299	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	13/05/2002	CCQ2020I		014	Nguyen	6,5	2,75	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	2120200245	NGUYỄN MINH ĐẠT	06/06/2002	CCQ2020H		011	M2	5,2	3,75	4,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	2120200211	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	03/03/2001	CCQ2020G		012	Da	6,0	4,25	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	2120200344	NGUYỄN THỊ THU HÀ	03/04/2002	CCQ2020J		013	M	9,3	5,25	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	2120200301	PHAN THỊ NGỌC HÀ	01/03/2002	CCQ2020I		014	Phan	7,5	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	2120200213	TRẦN THỊ HẰNG	11/10/2002	CCQ2020G		013	Hang	6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	2120200215	PHẠM THỊ THU HIỀN	25/05/2002	CCQ2020G		051	Hiên	5,6	3	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	2120220019	NGUYỄN THANH GIA HUY	30/03/2002	CCQ2020H		013	C	7,3	5,25	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	2120200217	PHẠM NGỌC HUỖNH	30/07/2002	CCQ2020G		014	Phu	5,9	3,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	2120200247	TRẦN CHẤN HƯNG	06/02/2002	CCQ2020H		011	Tran	7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	2120170536	TRẦN THANH KHẢI	09/11/2002	CCQ2020J		012	Thien	6,6	3,25	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	2120200248	ĐẶNG LIÊU TUẤN	04/03/2002	CCQ2020H				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	2120200250	TÔ THỊ KIM	19/02/2002	CCQ2020H		014	Kim	7,7	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D4-23**

Mã nhận dạng: 002181

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **2.2**

Số tờ giấy thi: **2.2**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120200222	NGUYỄN THÀNH LẬP	24/01/2001	CCQ2020G				4,8			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	2120200251	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ	09/10/2002	CCQ2020H		012	Tha	6,75	3,75	5,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	2120200351	PHAN THỊ LỆ	05/12/2002	CCQ2020J		013	Tha	9,3	6,5	7,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	2120200078	TRẦN THỊ MỸ LỆ	03/02/2002	CCQ2020C		014	Tha	7,5	4,75	5,9	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	2120200225	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	12/11/2000	CCQ2020G				5,2			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	2120200305	NGUYỄN THÀNH LUÂN	02/08/1998	CCQ2020I				0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	2120200255	PHAN THỊ LƯƠNG	31/01/2002	CCQ2020H		013	Tha	7,5	5	6,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	2120200352	NGÔ THỊ THẢO LY	12/02/2002	CCQ2020J		014	Tha	7,3	4	5,3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 04**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **002**
Ngày thi: **27/06/2022** Giờ: **09:45**
Phòng thi: **D4-21**

Mã nhận dạng: 002182

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Khoa</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Hồng Đức</i>
--	--

Số SV có mặt: **25**
Số bài thi: **25**
Số tờ giấy thi: **25**

C. Thu

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120200227	TRẦN VĂN MINH	09/06/2002	CCQ2020G		011	Minh	0	2	1,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120200228	TRẦN THỊ HỒNG MY	27/06/2002	CCQ2020G		014	My	5,7	4,25	4,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120200262	LÊ THỊ THẢO NGUYỄN	06/02/2002	CCQ2020H		012	Thảo	8,0	4	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120200261	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	16/06/2001	CCQ2020H				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120200233	NGÔ THỊ NHỰC	16/01/2002	CCQ2020G		013	Như	7,4	4,85	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120200017	NGUYỄN HOÀNG TẤN PHÁT	02/07/2002	CCQ2020A		016	Phát	7,0	3,75	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120200234	PHẠM THỊ KIM PHƯƠNG	03/09/2002	CCQ2020G		012	Phạm	7,2	3,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120240140	DƯƠNG THỊ THÚY TÀI	21/03/2002	CCQ2020H		011	Thủy	8,3	3	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120170165	MAI XUÂN TÂN	11/01/2002	CCQ2020H		014	Tân	6,3	2	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120200024	NGUYỄN THẾ THÀNH	23/12/2001	CCQ2020A		013	Thành	6,3	4,85	5,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2117200144	ĐẶNG THỊ BÍCH THẢO	26/05/1999	CCQ1720B				0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120200284	LƯU THỊ THU THẢO	19/12/2002	CCQ2020B		012	Thu	8,7	6,25	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120200236	NGUYỄN THỊ THU THẢO	26/05/2002	CCQ2020G		013	Thu	7,4	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120200235	NGUYỄN THU THẢO	26/06/2002	CCQ2020G		014	Thu	5,8	5,75	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118120506	TRẦN THỊ THANH THẢO	15/09/2000	CCQ1820D		011	Thanh	6,8	2,25	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120200272	PHAN THÀNH PHÚC THIÊN	02/01/2002	CCQ2020H				5,2			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120200334	DƯƠNG XUÂN THỌ	25/05/2002	CCQ2020G		011	Thọ	7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120200237	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	23/02/2002	CCQ2020G		012	Thư	7,3	5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120120416	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	26/10/2002	CCQ2020I		014	Thư	8,0	3,75	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120200238	NGUYỄN NGỌC TOÀN	26/06/2002	CCQ2020G		013	Toàn	5,2	2,5	3,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002182

Môn học: **Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu (226051) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D4-21**

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng Việt Khoa
Phạm Hồng Ngọc

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phĩ	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120200315	NGUYỄN THANH TRÀ	24/04/2002	CCQ2020I		012	<u>Trà</u>	6,5	4	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120200029	HUỖNH NGUYỄN MỸ TRẦN	26/12/2002	CCQ2020A		011	<u>Trần</u>	9,3	8,5	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120200337	LÊ THỊ THANH TRÚC	30/08/2002	CCQ2020I		014	<u>Trúc</u>	9,0	6,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120200277	BIỆN HOÀNG QUỐC TUẤN	07/05/2002	CCQ2020H		013	<u>Tuấn</u>	7,2	3,85	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120200363	DƯƠNG HUỖNH THẾ VINH	20/05/2002	CCQ2020J		011	<u>Vinh</u>	6,1	3,25	4,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120200279	TRẦN ĐÌNH VŨ	26/11/2001	CCQ2020H		012	<u>Đình Vũ</u>	6,7	5	5,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120260070	TRẦN TIẾN VŨ	10/01/2001	CCQ2020I		014	<u>Tiến Vũ</u>	5,8	6	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120120562	PHAN THỊ TƯỜNG VY	15/04/2002	CCQ2020I		013	<u>Vy</u>	7,5	3,25	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9